KẾT LUẬN

Thang điểm HAPS có thể áp dụng tại phòng khám cấp cứu giúp cho tiên lượng bệnh nhân một cách dễ dàng và nhanh chóng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Banks PA, Bollen TL, Dervenis C,** et al. Classification of acute pancreatitis–2012: revision of the Atlanta classification and definitions by international consensus. Gut. 2013; 62:102–11..

2. **Van Santvoort H.C., Bakker O.J., Bollen T.L.**, et al (2011). A conservative and minimally invasive approach to necrotizing pancreatitis improves outcome. *Gastroenterology*, **141**(**4**), 1254–1263.

3. **Singh V.K., Bollen T.L., Wu B.U.,** et al (2011). An assessment of the severity of interstitial pancreatitis. *Clin Gastroenterol Hepatol*, **9**(**12**), 1098–1103.

4. Acute Pancreatitis Classification Working Group. Revision of the Atlanta classification of acute pancreatitis. 2008

5. **Lankisch PG, Weber-Dany B, Maisonneuve P,** et al. The harmless acute pancreatitis score: a clinical algorithm for rapid initial stratification of nonsevere disease. Clin J Gastroenterol. 2009;7:702–

6. **R. Parekh; A. Zalawadia; N. Ambulgekar;** et al: Harmless Acute Pancreatitis Score (Haps) As an Initial Predictor of Nonsevere Disease in Acute Pancreatitis. Journal of Hospital Medicine, Volume 6, Suppl 2.

7. **Rupjyoti Talukdar, Mithun Sharma, Ajit DekaUtility** of the "Harmless Acute Pancreatitis Score" in predicting a non-severe course of acute pancreatitis: A pilot study in an Indian cohort *Indian Journal of Gastroenterology* volume 33, pages316–321(2014)

THỰC TRẠNG BỎ ĐIỀU TRỊ METHADONE TRÊN BỆNH NHÂN ĐIỀU TRỊ METHADONE TẠI HUYỆN KIM SƠN TỈNH NINH BÌNH NĂM 2019

NGUYỄN CHÍ KIÊN,
TRẦN NHƯ NGUYÊN, LÊ MINH GIANG
Trường Đại học Y Hà Nội

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện trên 352 bệnh nhân điều trị Methadone tại Trung tâm Y tế Kim Sơn thuộc huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình. Mục tiêu: Mô tả thực trạng bỏ điều trị methadone trên bệnh nhân điều trị methadone tại huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình, năm 2019. Phương pháp: Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang. Kết quả: Tỷ lệ bỏ điều trị methadone trong năm 2019 là 15,6%. Thời gian từ tháng 7-9 năm 2019 có tỷ lệ bệnh nhân bỏ điều trị cao nhất (36%).

Từ khóa: *Nghiện chích ma túy, Methadone, bỏ diều trị.*

Chịu trách nhiệm: Nguyễn Chí Kiên
Email: nguyenkien881212@gmail.com

Ngày nhận: 09/7/2020
Ngày phản biện: 18/8/2020
Ngày duyệt bài: 16/9/2020

SUMMARY

A cross sectional study was conducted on 352 methadone patients at Kim Son District Medical Center in Ninh Binh province in 2019. Objective: Describe the status of quitting methadone treatment in methadone patients in Kim Son district in Ninh Binh province in 2019. The results showed that: The rate of discontinuation of treatment in 2019 was 15.6%. In particular, from July to September, the rate of patients dropping out of treatment was the highest (36%).

Keywords: *Injecting drug addiction, methadone, quitting treatment.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Ma túy đã và đang là hiểm họa không riêng tại Việt Nam mà trên toàn thế giới. Các hình thức cai nghiện đã triển khai trước đây tại Việt Nam chưa đem lại hiệu quả cao, tỷ lệ tái nghiện cao sau khi hết thời gian cai nghiện khoảng 2 năm. Chương trình điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc

phiện bằng methadone được thí điểm tại Việt Nam từ năm 2008, đến nay đã triển khai trên tất cả tỉnh, thành phố trên cả nước với hơn 52.000 bệnh nhân tham gia điều trị [1]. Chương trình được đánh giá mang lại hiệu quả giúp giảm hành vi sử dụng ma túy, giảm lây nhiễm HIV, các hành vi phạm tội... Điều trị methadone là điều trị lâu dài, duy trì có kiểm soát hạn chế tình trạng bỏ điều trị của bệnh nhân [2]. Bỏ điều trị methadone là tình trạng bệnh nhân bỏ liều liên tục trên 30 ngày, không có lý do [3]. Cơ sở điều trị methadone Trung tâm Y tế huyện Kim Sơn đi vào hoạt động từ năm 2014, là đơn vị có lượng bệnh nhân đang điều trị methadone nhiều nhất tỉnh Ninh Bình. Đến nay, chưa có nghiên cứu nào đầy đủ, có hệ thống về tình trạng bỏ điều trị methadone tại đây. Từ tình hình trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu: *Mô tả thực trạng bỏ điều trị methadone trên bệnh nhân điều trị methadone tại huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình năm 2019*

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm nghiên cứu: Cở sở điều trị methadone Trung tâm Y tế Kim Sơn, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Thời gian nghiên cứu: Từ 01/2020 – 7/2020.

2. Đối tượng nghiên cứu: Bệnh nhân điều trị tại Cơ sở methadone Trung tâm Y tế Kim Sơn năm 2019.

3. Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang, sử dụng số liệu thứ cấp từ hồ sơ bệnh án

4. Cỡ mẫu và chọn mẫu:

Cỡ mẫu nghiên cứu thực tế là 352 bệnh nhân.

Chọn mẫu: Lấy toàn bộ bệnh nhân điều trị trong năm 2019.

5. Kỹ thuật và công cụ thu thập số liệu

Số liệu được thu thập trên Bệnh án nghiên cứu.

6. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được làm sạch và nhập bằng phần mềm Epi DATA, phân tích bằng SPSS 20.0. Thống kê mô tả được sử dụng.

7. Đạo đức nghiên cứu: Đã tuân thủ các quy định về đạo đức nghiên cứu.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Một số đặc điểm của ĐTNC

Đặc điểm	Bỏ điều trị (n=50)		(n=352)	
	SL	%	SL	%
Giới tính:				
Nam	50	100	352	100
Tuổi:				
<25 tuổi	6	12	30	8,5
25-35 tuổi	16	32	118	33,5
36-45 tuổi	20	40	152	43,2
>45 tuổi	8	16	52	14,8
Tình trạng hôn nhân:				
Độc thân	14	28	100	28,4
Đang có vợ hoặc chồng	36	72	252	71,6
Trình độ học vấn:				
Trung học cơ sở trở xuống	33	66	238	67,6
THPT trở lên	17	34	114	32,4
Khoảng cách đến CSĐT:				
< 10km	31	62	270	76,7
≥ 10km	19	38	82	23,3

Tất cả bệnh nhân là nam giới (100%); Tuổi trung bình vào điều trị của bệnh nhân tại cơ sở là 36,5 (từ 18 – 65 tuổi), nhóm tuổi từ 25 -45 chiếm tỷ lệ cao nhất (76,7%), thấp nhất là nhóm tuổi dưới 25 (8,5%). Tỷ lệ bệnh nhân đang có vợ/chồng chiếm tỷ lệ cao (71,6%). Số bệnh nhân có trình độ trung học cơ sở trở xuống chiếm tỷ lệ 67,6%. Khoảng cách đến cơ sở uống thuốc hàng ngày dưới 10km của bệnh nhân chiếm tỷ lệ 76,7%.

Bảng 2. Tiền sử sử dụng chất gây nghiện, các bệnh kèm theo

Đặc điểm	Bỏ điều trị (n=50)		Chung (n=352)	
	SL	%	SL	%
Thâm niên sử dụng ma túy:				
≤ 5 năm	34	68	222	63,1
> 5 năm	17	32	132	36,9
Sử dụng ma túy bằng đường tiêm chích	35	70	251	71,3
Đã từng cai nghiện nhưng đều tái nghiện	28	56	231	65,6
Mắc các bệnh kèm theo:				
HIV/AIDS	4	8	48	13,6
Viêm gan B	7	14	24	6,8
Viêm gan C	18	36	175	49,7

Tỷ lệ bệnh nhân có thời gian sử dụng ma túy trên 5 năm chiếm 36,9%, đa số bệnh nhân sử dụng ma túy bằng đường tiêm chích (71,3%). 65,6% bệnh nhân đã từng cai nghiện ít nhất một lần nhưng đều tái nghiện. Trong các bệnh kèm theo của bệnh nhân trước khi vào điều trị, tỷ lệ mắc viêm gan C cao nhất (49,7%) tiếp đến là HIV (13,6%) và viêm gan B (6,8%).

Tỷ lệ bệnh nhân bỏ điều trị methadone trong năm 2019 là 15,6%.

Bảng 4. Tỷ lệ bỏ điều trị theo thời gian trong năm 2019

Thời gian đã tham gia điều trị	Bỏ điều trị (n=50)	%
Tháng 1 - 3	13	26
Tháng 4 - 6	8	16
Tháng 7 – 9	18	36
Tháng 10 -12	11	22

Thời gian từ tháng 7-9 năm 2019 có tỷ lệ bệnh nhân bỏ điều trị methadone cao nhất (36%), thời gian tháng 4 - 6 có tỷ lệ bỏ điều trị thấp nhất (16%).

BÀN LUẬN

Đối tượng nghiên cứu (ĐTNC) là nam giới (100%), tập trung chủ yếu ở nhóm tuổi từ 25-45 tuổi (76,7%) cao hơn nghiên cứu tại Hòa Bình năm 2017 (98,4 và 72%) [4]. Tỷ lệ ĐTNC đang sống với vợ/chồng chiếm tỷ lệ chủ yếu (71,6%) cao hơn nghiên cứu tại Hòa Bình (50%) [4]và Hải Phòng (66%) [5]. Chủ yếu (67,6%) ĐTNC chưa học đến THPT, không khác biệt với nhóm bỏ điều trị (66%). Tỷ lệ ĐTNC từng cai nghiện trên 1 lần với các phương pháp khác nhau (65,6%) thấp hơn nghiên cứu tại Hải Phòng và Hòa Bình (96,7%) và Hải Phòng (81,5%) [4,5]. Trong số 352 đối tượng được nghiên cứu, nhóm mắc bệnh viêm gan chiếm tỷ lệ khá cao, có tới 49,7% bệnh nhân xét nghiệm có dương tính với viêm gan C, 6,8% dương tính với viêm gan B, tỷ lệ này cao hơn nghiên cứu tại Thái Nguyên (30% và 4%) nhưng thấp hơn nghiên cứu tại Hòa Bình (84,3% và 10,7%).

Ở bất cứ chương trình nào, việc bệnh nhân bỏ điều trị là điều không tránh khỏi. Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ bỏ điều trị của ĐTNC tại cơ sở Methadone Kim Sơn trong năm 2019 là 15,6%. Tỷ lệ này cao hơn nghiên cứu tại Hòa Bình trong các năm 2013, 2014, 2015 (3,3%, 25,5%, 10,2%), và Hải Phòng năm 2012, 2013, 2014 (10,5%, 13,1%, 14%) [4,5]. Ngoài ra, theo 2 nghiên cứu trên tỷ lệ bệnh nhân bỏ điều trị sau 3 năm khá cao 25,5% tại Hòa Bình và 33,3% tại Hải Phòng.

Trong năm 2019, thời điểm tháng 7-9 có tỷ lệ bệnh nhân bỏ điều trị cao nhất (36%). Về vấn đề này, chúng tối sẽ tiếp tục trong các nghiên cứu sau để tìm ra diễn biến có tính chất quy luật về các thời điểm bỏ điều trị methadone của các bệnh nhân trong năm.

KẾT LUẬN

Tỷ lệ bỏ điều trị methadone của bệnh nhân tại Trung tâm Y tế huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình năm 2019 là 15,6%. Thời gian từ tháng 7-9 có tỷ lệ bệnh nhân bỏ điều trị cao nhất (36%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Y tế, Cục Phòng, chống HIV/AIDS** (2017), *Báo cáo công tác phòng, chống HIV/AIDS năm 2017 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2018.*

2. **Bộ Y tế** (2010). *Quyết định số 3140/QĐ-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Hướng dẫn điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng methadone.*

3. Thông tư số 03/2015/TT-BYT, *Chế độ báo cáo công tác phòng chống HIV/AIDS năm 2015.*

4. **Trần Quang Đạo** (2016), *Thực trạng tuân thủ điều trị methadone thành phố Hòa Bình giai đoạn 2012 – 2015.* Luận văn thạc sỹ y tế công cộng, trường đại học Y tế công cộng.

5. **Nguyễn Thị Thắm** (2018), *Nghiên cứu thực trạng và giải pháp can thiệp bỏ điều trị methadone ở bệnh nhân nghiện các chất dạng thuốc phiện tại Hải Phòng, 2014-2016*. Luận án tiến sỹ Y tế Công cộng.

CHỨC NĂNG TẠI CÁC TRẠM Y TẾ XÃ TỈNH THÁI BÌNH VÀ GIẢI PHÁP HIỆU QUẢ KHÁM CHỮA BỆNH CỦA BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN THÁI BÌNH ĐẾN NĂM 2025

NGUYỄN THỊ XUYÊN

Bệnh viện Y học Cổ truyền Thái Bình

Chịu trách nhiệm: Nguyễn Thị Xuyên
Email: hongxuyentienhai@gmail.com

Ngày nhận: 10/7/2020
Ngày phản biện: 19/8/2020
Ngày duyệt bài: 10/9/2020